

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1636 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Hà,
huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận họp ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Hàm Tân;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 18-2021/CV-TV ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Công nghệ Trí Việt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 262/TTr-STNMT ngày 21 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Công nghệ Trí Việt (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh – Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Thuận;
- UBND huyện Hàm Tân;
- UBND xã Tân Hà;
- Công ty TNHH TMDV Công nghệ Trí Việt;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh Bình
Thuận
Cơ quan: Ủy ban
Nhân dân tỉnh Bình
Thuận
Ngày ký: 29.06.2021
14:03:07 +07:00

Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1636 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát xây dựng.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Công nghệ Trí Việt.
- Địa chỉ liên hệ: xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Bà Trần Thị Hiền Chức vụ: Phó Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 5, Tòa nhà 134 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 028.39290290 Fax: 028.39290393
- Mục tiêu dự án: Khai thác cát xây dựng phục vụ xây dựng các dự án đường cao tốc, sân bay và công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật khác trong khu vực và lân cận; tạo việc làm, nguồn thu nhập, doanh thu cho Công ty và đóng góp ngân sách cho huyện Hàm Tân nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung,...
- Phạm vi, quy mô: Diện tích phê duyệt trữ lượng khoáng sản là 13,56 ha, có tọa độ như sau:

Khu	Điểm góc	Tọa độ VN2000 Bình Thuận (Kinh tuyến trực 108°30', múi 3°)		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	
Khu 1	1	1.191.995	411.120	3,02
	2	1.191.961	411.296	
	3	1.191.855	411.328	
	4	1.191.929	411.056	
	5	1.191.954	411.326	
	6	1.191.929	411.456	
	7	1.191.825	411.439	
	8	1.191.847	411.358	
Khu 2	9	1.191.917	411.514	0,82
	10	1.191.899	411.605	
	11	1.191.800	411.539	
	12	1.191.813	411.485	
	13	1.191.670	411.498	
	14	1.191.578	411.809	

Khu 3	15	1.191.522	411.827	9,72
	16	1.191.512	411.862	
	17	1.191.334	411.745	
	18	1.191.337	411.662	
	19	1.191.373	411.500	
	20	1.191.542	411.449	
	21	1.191.501	411.433	
	22	1.191.380	411.469	
	23	1.191.397	411.394	
Tổng diện tích: 13,56 ha				

- Công suất khai thác cát xây dựng là 45.000 m³/năm (nguyên khối) tương đương 50.625 m³/năm (nguyên khai, hệ số nở rời: 1,125).

- Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác là xúc bóc bằng máy xúc, vận chuyển về ao ngâm toi cát, sau đó bơm hỗn hợp cát - nước lên hệ thống sàng cát và vận chuyển cát thành phẩm đến nơi tiêu thụ.

- Công trình chính của dự án:

+ Khai trường chia ra làm 03 khu vực khai thác với tổng diện tích 13,56 ha.

+ Khu vực bãi chứa tạm có diện tích 0,44 ha nằm ngoài biên giới mỏ, cách biên giới của khối 3-122 khoảng 140m về phía Đông Bắc. Tại đây, bố trí một số công trình: Ao chứa nước ngâm cát có diện tích khoảng 2.000 m³ được chia thành 03 ngăn (gồm: ngăn 1 để ngâm toi cát có diện tích 1.200 m², ngăn 2 để chứa nước – bùn từ hệ thống sàng cát có diện tích 500 m² và ngăn 3 để chứa nước sau khi lắng bùn ở ngăn 2 có diện tích 300 m²); hệ thống bơm nước - cát, sàng tuyển cát; khu lán trại diện tích 50 m² bố trí: nhà nghỉ trưa, nhà bảo vệ và khu vực lưu chứa chất thải nguy hại; trạm cân có diện tích khoảng 18 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi,... phát sinh từ giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành khai thác, vận chuyển khoáng sản.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng là 0,84 m³/ngày; lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành là 1,08 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

- Lưu lượng nước tuyển rửa cát thu hồi khoảng 80% lượng nước ban đầu sử dụng là 362 m³/ngày, nước cấp bổ sung khoảng 36,0 m³/ngày. Nước

thải qua sàng tuyển cát chứa các thành phần hữu cơ, cặn lắng và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khai thác, sản xuất và vận chuyển khoáng sản,...chứa nhiều thành phần ô nhiễm như: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng là 5,084 tấn, khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn vận hành là 82,95 tấn và thành phần chủ yếu các loại gốc cây, cành cây, lá, rễ của thảm thực vật...

- Khối lượng bóc tầng phủ phát sinh trong giai đoạn xây dựng là 405 m³, khối lượng bóc tầng phủ phát sinh trong giai đoạn vận hành là 30.105 m³ và thành phần chủ yếu là bột, cát, các thành phần hạt mịn,...

- Khối lượng đất thải sau tuyển rửa phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 837 m³, khối lượng đất thải sau tuyển rửa phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 57.816 m³ và thành phần chủ yếu là bột, sét, các thành phần hạt mịn,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 1,0 kg/tháng; khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 10,83 kg/tháng. Chất thải nguy hại với các danh mục chủ yếu là dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 3,7 kg/ngày; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 5,3 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt chứa các thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại mỏ.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Dự án không có công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu nước thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Trang bị nhà vệ sinh di động được sản xuất từ vật liệu composite bằng công nghệ đúc liền khối, có lắp đặt hệ thống bể tự hoại 03 ngăn với dung tích

550 lít. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi thu gom, lưu chứa hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý khi đầy.

- Nước sau tuyển rửa, nước từ bãi chứa tạm được thu gom tập trung về Ao chứa nước ngâm cát (khu vực tuyển rửa cát) được lót bạt HPPE chống thấm để tái sử dụng. Nước sau tuyển rửa cát được tuần hoàn khoảng 80% so với lượng nước sử dụng ban đầu, lượng nước cấp bổ sung trung bình 36,0 m³/ngày và không thải nước sau tuyển rửa cát ra môi trường xung quanh.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Khai thác đến đâu tiến hành bóc thảm thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng mỏ tại khu vực chưa khai thác đến; tiến hành trồng cây xanh cải tạo phục hồi môi trường phải tiến hành song song với thời gian khai thác, các moong sau khi kết thúc khai thác được hoàn thổ, trồng cây,... để ngăn ngừa, hạn chế tác động do bụi tại các bãi chứa và chất thải rắn loại ra sau tuyển phát tán ra môi trường xung quanh.

- Có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các xe vận chuyển tại trạm cân trước khi xe chở khoáng sản ra khỏi mỏ; thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường từ mỏ đến Quốc lộ 55 với chiều dài khoảng 3,5 km, chiều rộng khoảng 5,0 m trong quá trình sử dụng, việc duy tu, sửa chữa phải thực hiện theo hàng năm và khi đường hư hỏng, xuống cấp.

- Bố trí xe bồn tưới nước làm ẩm đường vận chuyển khoáng sản, các bãi chứa với tần suất tưới 02 lần/ngày để hạn chế bụi phát tán ra môi trường và tăng cường tưới nước với tần suất tưới 04 lần/ngày vào những ngày thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng. Bố trí công nhân quét dọn tuyến đường vận chuyển khoáng sản do xe vận chuyển làm rơi vãi đất, cát,... gây phát sinh bụi, gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Các phương tiện vận chuyển khoáng sản phải được phủ bạt phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi; sử dụng đúng trọng tải, thiết kế của động cơ, nhiên liệu,... theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về phương tiện giao thông đường bộ, giới hạn lớn nhất cho khí thải; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc định kỳ; bố trí thời gian vận chuyển khoáng sản ra vào mỏ phù hợp, không hoạt động vận chuyển khoáng sản vào 04 mốc thời gian sau trong 01 ngày: Từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 00 phút, từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút. Hạn chế việc vận chuyển khoáng sản vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các khu dân cư khu vực xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển khoáng sản, xe

vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông.

- Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại mỏ theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường chủ yếu như sau:

- Sinh khối thu được từ quá trình phát quang mà tận dụng được, Chủ dự án bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần sinh khối không tận dụng được sẽ tập kết thành đống và tiến hành đốt bỏ. Khi tiến hành đốt, Chủ dự án có trách nhiệm giám sát, lựa chọn thời điểm đốt vào những ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

- Đất, bùn thải sau tuyển rửa và lớp bóc tầng phủ phát sinh được thu gom tập kết về bãi thải tạm, sau đó chuyển toàn khối lượng phát sinh đến moong đã khai thác, tiến hành san gạt đáy moong theo năm khai thác để phục vụ việc trồng cây xanh, cải tạo hoàn phục môi trường theo hình thức cuốn chiếu.

- Các chất thải rắn khác không tận dụng được phải phân loại, lưu chứa và bán phế liệu (các thiết bị hư hỏng, phụ tùng thay thế không chứa các thành phần nguy hại, sắt thép, tôn, cấu kiện thừa,...); các chất thải rắn tận dụng được thì được sử dụng để duy tu, sửa chữa đường giao thông (gạch vỡ, bê tông, vữa,...).

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại để vận hành thử nghiệm. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, trong đó: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5,0 m²; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định,...

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, lưu chứa bằng các thùng có nắp đậy dung tích 50 lít, được bố trí tại khu vực khai thác mỏ, lán trại, văn phòng và cuối ngày làm việc chuyển đến vị trí tập kết tại khu vực lán trại và tiến hành đốt bỏ.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung như: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc và đảm bảo tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn, độ rung lớn vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép; vận hành máy móc, thiết bị theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, độ rung; trang bị trang thiết bị bảo hộ cho công nhân đúng quy định.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Tiến hành khai thác góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Trong suốt quá trình khai thác, phải thường xuyên cải tạo bờ mỏ đúng theo thiết kế đảm bảo an toàn, tránh sự cố sạt lở bờ moong. Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng tại diện tích chưa khai thác đến. Trồng cây xanh trên đai bảo vệ, vách taluy để gia cố, củng cố bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác và đất xung quanh dự án,...

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố. Chủ dự án có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan.

3.8. Cải tạo phục hồi môi trường:

3.8.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Đáy moong khai thác được san gạt, trồng cây keo lai giâm hom theo hình thức cuốn chiếu, cụ thể:

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1:

Thực hiện từ năm đầu và hoàn thành đến hết Quý I của Năm thứ 3 đối với khu vực tiến hành khai thác tại khu 1 và khu 2; thực hiện khai thác đến đâu cải tạo, phục hồi môi trường đến đó theo hình thức cuốn chiếu. Các công việc bao gồm:

- Gia cố bờ moong: Khai thác tới đâu gia cố bờ moong tới đó theo hình thức cuốn chiếu (cải tạo lại bờ moong, sử dụng phương tiện cơ giới để tạo mái dốc taluy 25° nhằm tránh sạt lở); gia cố bờ moong;

- Trồng và chăm sóc cây keo lai giâm hom xung quanh khu mỏ và bãi chứa tạm;

- Lắp đặt biển cảnh báo xung quanh;

- Rào bảo vệ ao chứa nước;

- Trồng và chăm sóc cây keo lai giâm hom trên diện tích vách taluy;

- San gạt đáy moong khai thác;

- Trồng và chăm sóc cây keo lai giâm hom trên diện tích đáy moong khai thác.

b) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2:

Tiến hành ngay từ Quý II của Năm thứ 3 và hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn (thực hiện trong vòng 03 tháng sau khi kết thúc khai thác) đối với khu vực tiến hành khai thác tại khu 3. Các hạng mục thực hiện trong thời gian này gồm:

- Gia cố bờ moong;

- Lắp đặt biển cảnh báo xung quanh;

- Trồng và chăm sóc cây keo lai giâm hom trên diện tích vách taluy;

- San gạt lớp đất tại đáy moong;

- Trồng và chăm sóc cây keo lai giâm hom trên diện tích đáy moong;

- Tháo dỡ hệ thống sàng cát, trạm cân, nhà tạm.

- San gạt mặt bằng bãi chứa tạm;

- Trồng và chăm sóc cây keo lai giâm hom trên diện tích bãi chứa tạm;

- Lu lèn đường vận chuyển (cải tạo, sửa chữa đường nội mỏ, ngoại mỏ).

- Quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo.

3.8.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **3.641.398.638** đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi một triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*).

- Số lần ký quỹ: 07 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 910.349.660 đồng.

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (06 lần): 455.174.830 đồng.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mở:

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

5.3. Vận hành thương mại

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm các khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió.

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.

- Thông số giám sát: Bụi tổng, tiếng ồn, SO₂, NO_x, CO.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án được lưu giữ định kỳ và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát nước sau sàng tuyển

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực ao chứa nước.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

d) Giám sát khác

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: Kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung, đảm bảo an toàn trên tuyến đường vận chuyển... Tần suất thực hiện: thường xuyên hằng ngày.

- Giám sát thoát nước mỏ: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra việc vận hành, bơm thoát nước trong mỏ, đặc biệt là mùa mưa nhằm kịp thời giải quyết ngập lụt, gây sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án. Tần suất thực hiện: thường xuyên.

- Giám sát xói mòn, sạt lở: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra sạt lở bờ moong, sạt lở đất,... làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người

dân có đất lân cận dự án. Tần suất tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong toàn dự án: Thực hiện 06 tháng/lần.

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ môi trường địa phương đến hút hầm và mang chất thải đi xử lý theo quy định; kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh: đường ống, rò rỉ,... Tần suất thực hiện: Tối thiểu 06 tháng/lần.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Chủ dự án sau khi đã hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt phải lập hồ sơ hoàn thành từng phần phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện lồng ghép với đề án đóng cửa mỏ. Thực hiện báo cáo công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

6.2. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó tức thời nhằm hạn chế tối đa tác động phát sinh đến giao thông tại địa phương,...

6.3. Thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực

lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn... tại khu vực mỏ; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân; chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

6.4. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.5 Thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ do các cơ quan chức năng quy định./.